

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 307/2022/DS-PT

Ngày 06 - 7 - 2022

V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất, bồi thường
thiệt hại về tài sản và đòi
lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, về việc “*Tranh chấp về dân sự - quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Bé T, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là: Bà Lê Hồng D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin vắng mặt). Địa chỉ: Số 8, Võ Trường Toản, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Hồ Hữu Ng, sinh năm 1929 (Chết ngày 24/02/2018).

Địa chỉ: Số nhà 896, Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Hữu Ng:

1. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1945;
2. Anh Hồ Hữu Tr, sinh năm 1973;
3. Chị Hồ Diễm H, sinh năm 1974 (Có mặt);
4. Chị Hồ Thị Diễm Tr, sinh năm 1981;
5. Chị Hồ Như Th, sinh năm 1967 (Vắng mặt);
6. Chị Hồ Thị Diễm Nh, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Số nhà 896, Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng, anh Tr, chị Diễm Tr, chị Diễm Nh là: Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1957 (Có mặt). Địa chỉ: Số 159, đường Thiên Hộ Dương, tổ 11, khóm 2, phường 4, thành phố C, Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2022).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1933;

Địa chỉ: Số nhà 246/21K, Hòa Hưng, Phường 13, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Gia Lâm, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị B: Ông Đỗ Văn Bé T, sinh năm 1957 (Có mặt) và ông Hồ Minh Ch, sinh năm 1949 (Có mặt); Cùng địa chỉ: Ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- 3.2. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Ấp Cây Xoài, xã Th, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 897, Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- 3.3. Chị Hồ Ngọc Nh, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số nhà 896, Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền chị Hồ Ngọc Nh là: Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1957 (Có mặt). Địa chỉ: Số 159, đường Thiên Hộ Dương, tổ 11, khóm 2, phường 4, thành phố C, Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2022).

- 3.4. Chị Hồ Thị Diễm Tr, sinh năm 1981;
- 3.5. Anh Mai Anh T, sinh năm 1978 (Vắng mặt);
- 3.6. Anh Mai Thanh T, sinh năm 2007;

Người đại diện theo pháp luật cho anh Mai Thanh T: Chị Hồ Thị Diễm Tr, sinh năm 1981 (mẹ ruột) và anh Mai Anh T, sinh năm 1978 (cha ruột).

Cùng địa chỉ: Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Chị Trần Thị Diễm K, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

3.8. Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

3.9. Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 97, Tổ 24, ấp Hòa Lợi, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp

4. Người kháng cáo: Ông Đỗ Văn Bé T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Đỗ Văn Bé T trình bày:

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Hồ Văn Ng (chết năm 1989) và bà Nguyễn Thị Ch (chết năm 1992). Ông Ng và bà Ch là vợ chồng nhưng không có con. Hiện nay, những người thừa kế theo pháp luật của ông Ng và bà Ch chỉ còn hàng thừa kế thứ ba bao gồm bà Đỗ Thị B, sinh năm 1933, bà B gọi ông Ng là cậu ruột; bà Hồ Thị M, sinh năm 1936, bà M gọi ông Ng là chú ruột (chết năm 2020); Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1941, bà Kh gọi ông Ng là cậu ruột. Đối với hàng thừa kế của bà Hồ Thị M, chết năm 2020 ông không biết nên không thể cung cấp.

Về quá trình sử dụng đất, ông Ng và bà Ch sử dụng đất từ rất lâu, sau khi ông Ng, bà Ch chết thì giao cho ông Hồ Ngọc Q quản lý, thờ cúng nhưng ông Q bận đi làm ăn xa nên năm 1992 kêu ông về quản lý di sản và thờ cúng ông Ng. Tài sản của ông Ng và bà Ch để lại gồm một căn nhà và một phần đất khoảng 800m² thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2004, ông Hồ Anh H có khởi kiện tranh chấp thừa kế đối với di sản của ông Ng, bà Ch nhưng Tòa án đã giao cho ông tiếp tục quản lý di sản gồm 01 căn nhà gắn liền với đất có diện tích chiều ngang 8,3m, chiều dài 11m, 02 bộ đá cẩm thạch, 02 băng đá mài, thời điểm này chỉ tranh chấp diện tích căn nhà mà không tranh chấp những diện tích khác vì lúc này ông và những người thừa kế của ông Ng, bà Ch tranh chấp và ông Ng cũng xác định căn nhà là của ông Ng và bà Ch nên không tranh chấp diện tích ngoài căn nhà. Năm 2010, bà Hồ Thị M có khởi kiện ông yêu cầu được quản lý di sản của ông Ng, bà Ch nhưng Tòa án cũng đã giao tài sản là 01 băng đá mài, 02 miếng ngựa cẩm thạch cho ông tiếp tục quản lý. Như vậy, ông đã quản lý di sản của ông Ng, bà Ch từ năm 1992 đến năm 2011 thì xảy ra tranh chấp với ông Hồ Hữu Ng. Phần đất của ông Ng, bà Ch để lại ông sử dụng đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn với gia đình ông Ng nên ông không tiếp tục sử dụng đất. Năm 2011, ông Ng cùng với vợ và các con đánh

ông để chiếm lấy 01 cây xoài do ông Ng trồng năm 1967 và diện tích đất chỗ cây xoài khoảng 20m². Năm 2012, ông Ng tự trồng thêm 14 cây xoài trước cửa nhà ông với diện tích khoảng 50m², 37 cây xoài sau nhà ông với diện tích khoảng 328,5m². Tổng cộng ông Ng đã tự trồng 51 cây xoài với diện tích 378,5m² nằm trong thửa đất số 10, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp (Qua đo đạc thực tế diện tích ông Ng chiếm của ông là 620,2m² nằm trong các mốc M16, M17, M18, M19, M20, M21, M4, M5, M22, M23 M24, B3, B6, M16 thuộc một phần thửa đất số 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại tại tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp, theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 04/12/2020). Hiện nay, phần đất tranh chấp ông không quản lý, sử dụng mà do gia đình ông Ng quản lý, sử dụng.

Đối với diện tích đất 620,2m² nằm trong các mốc M16, M17, M18, M19, M20, M21, M4, M5, M22, M23 M24, B3, B6, M16 thuộc một phần thửa đất số 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại tại tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp (theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 04/12/2020) ông yêu cầu ông Ng (nay là những người kế thừa của ông Ng) trả lại cho ông, phần đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với cây trồng trên đất những cây do ông Ng trồng ông yêu cầu di dời, không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời, riêng 04 cây mận lớn ông được tiếp tục quản lý sử dụng do đây là các cây trồng do ông Ng trồng. Những cây trồng yêu cầu di dời gồm có 21 cây xoài nhỏ, 17 cây xoài đang cho trái, 03 cây mận nhỏ, 06 cây mít nhỏ, 01 cây mai tứ quý, 44 cây mai vàng nhỏ, 11 cây chanh nhỏ chưa cho trái, 05 cây chanh đang cho trái, 04 cây sao, 04 cây tùng, 01 bụi tre. Đồng thời yêu cầu di dời một phần căn nhà của chị Hồ Thị Diễm Tr trên phần đất tranh chấp (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/12/2020).

Ông T yêu cầu người kế thừa tổ tụng của bị đơn trả giá trị tiền bán trái đối với cây xoài trồng năm 1967 do ông Ng trồng. Khi khởi kiện ông chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền thu hoạch bán xoài trái là 21.000.000 đồng do tính từ năm 2011 đến năm 2018 là 07 năm, mỗi năm 3.000.000 đồng, nay tại phiên tòa ông yêu cầu tăng giá trị lên thành 33.000.000 đồng. Ông yêu cầu vì ông nghe nói như vậy. Đối với bờ tre khoảng 300 cây, hiện nay không còn dấu tích nhưng ông vẫn tiếp tục yêu cầu những người kế thừa của ông Ng bồi thường cho ông tiền vì đã đốn tre do ông Ng trồng.

Đối với diện tích đất nằm trong các mốc M1, M2, M3, M4, M21, M20, M19, M18, M17 quay lại M1 có diện tích 311,4m² thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp (theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 04/12/2020), các đương sự thống nhất không tranh chấp, nên ông Đỗ Văn Bé T rút yêu cầu đối với phần diện tích đất này.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Hồ Hữu Ng gồm bà Nguyễn Thị Ng, Hồ Hữu Tr, Hồ Thị Diễm Tr, Hồ Thị Diễm Nh là bà Võ Thị Nhung rình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng phần đất tranh chấp diện tích 620,2m² nằm trong các mốc M16, M17, M18, M19, M20, M21, M4, M5, M22, M23 M24, B3, B6, M16 thuộc một phần thửa đất số 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp (theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 04/12/2020), nguồn gốc đất là của ông Hồ Hữu L (ông nội của ông Ng), có giấy Chứng chỉ trạng thái bất động sản của trường ty điền địa Kiến Phong ngày 23/7/1970. Sau đó, ông L để lại cho cha mẹ của ông Ng là ông Hồ Hữu Ng và bà Đỗ Thị S. Sau đó ông Ng, bà S để lại cho ông Ng quản lý sử dụng từ trước năm 1975. Ông Ng và bà S có 02 con là Hồ Hữu Ch (chết 1982) và Hồ Hữu Ng, do ông Hồ Hữu Ch chết từ năm 1982 nên hiện nay phía gia đình ông Ng không có thông tin gì về vợ con của ông Ch. Khi ông Hồ Hữu L còn sống có cho ông Hồ Văn Đ (em ruột) một nền nhà từ khoảng năm 1932, sau khi ông Đ chết thì để lại cho con là Hồ Văn Ng. Năm 1972, do thấy hoàn cảnh của vợ chồng ông Ng và bà Ch khó khăn nên ông Ng đã xây dựng 01 căn nhà gỗ màu xanh diện tích ngang 8,2m, dài 11m trên nền nhà cũ của ông Đ để cho ông Ng, bà Ch ở. Đến năm 1989, ông Ng chết thì giao căn nhà cho Hồ Ngọc Q quản lý thờ cúng. Năm 1992, bà Ch chết thì căn nhà giao lại cho Hồ Ngọc Q quản lý, thờ cúng. Đến năm 1996, sau khi ông Q chết thì ông T mới về quản lý căn nhà của ông Ng, bà Ch. Như vậy, tài sản của ông Ng và bà Ch để lại chỉ có căn nhà diện tích ngang 8,2m, chiều dài 11m, việc quản lý căn nhà này cũng đã được giải quyết bằng Bản án số 24/DSST ngày 11/03/2005 của Tòa án nhân dân thị xã C, ngoài ra không còn diện tích đất nào khác. Ngày 07/11/1998 khi hòa giải tranh chấp đất tại Ủy ban nhân dân xã A thì ông Đỗ Văn Bé T và bà Đỗ Thị A cũng thống nhất như nội dung ghi trong biên bản là ông Ng thống nhất giao cho ông T tiếp tục quản lý căn nhà của ông Ng, bà Ch để lại có chiều ngang 8,6m và dài 15m, đồng thời ông Ng cho bà Đỗ Thị A thêm một phần diện tích đất sau này bà A đã đi đăng

ký quyền sử dụng đất thửa 970 tờ bản đồ số 01 diện tích 194m^2 , phần đất này nằm ngay phía trước diện tích căn nhà của ông Ng, bà Ch để lại. Trong quá trình quản lý, sử dụng căn nhà của ông Ng, bà Ch thì ông T đã lấn chiếm và mở rộng diện tích chỉ có căn nhà ngang $8,2\text{m}$, dài 11m (diện tích khoảng 90m^2) nay đã sử dụng thành diện tích $311,4\text{m}^2$. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho ông T quản lý di sản của ông Ng, bà Ch và được sự đồng ý của Tòa án nên hiện nay những người kế thừa tổ tụng của ông Ng thống nhất không tranh chấp phần diện tích $311,4\text{m}^2$ nằm trong các mốc M1, M2, M3, M4, M21, M20, M19, M18, M17 quay lại M1 thuộc một phần thửa đất số 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp. Phần đất tranh chấp diện tích $620,2\text{m}^2$ từ trước đến nay đều là do gia đình ông Ng quản lý, trồng cây, ông T không có trồng bất cứ cây trồng gì trên đất. Thuê đất cũng đều do gia đình ông Ng nộp. Trên phần đất này có rất nhiều ngôi mộ trong đó các ngôi mộ đó là bà con xa hoặc hàng xóm của gia đình ông Ng, những người này khi chết không có nơi chôn cất, hỏi xin ông Ng để chôn cất.

Năm 1999 ông Ng có đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 211, 212, 839 tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã A, thành phố C, diện tích được cấp giấy 5.762m^2 . Tuy nhiên, năm 2010, Ủy ban nhân dân thành phố C đã ra Quyết định 07/QĐ-UBND ngày 02/02/2010 thu hồi quyền sử dụng đất tại các thửa số 211, 212, 839, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã A, thành phố C do cấp sai thửa, vị trí, sau đó thì phát sinh tranh chấp nên chưa đi kê khai đăng ký lại được. Như vậy, hiện nay phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Những người kế thừa của ông Ng không đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu trả diện tích đất $620,2\text{m}^2$ thuộc phạm vi các mốc M16, M17, M18, M19, M20, M21, M4, M5, M22, M23 M24, B3, B6, M16 thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại tại tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp (theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 04/12/2020) nên cũng không đồng ý với yêu cầu di dời 21 cây xoài nhỏ, 17 cây xoài đang cho trái, 03 cây mận nhỏ, 06 cây mít nhỏ, 01 cây mai tứ quý, 44 cây mai nhỏ, 11 cây chanh nhỏ chưa cho trái, 05 cây chanh đang cho trái, 04 cây sao, 04 cây tùng, 01 bụi tre và nhà của chị Hồ Thị Diễm Tr.

Trường hợp không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì những người kế thừa của ông Ng yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp $620,2\text{m}^2$ nằm trong các mốc M16, M17, M18, M19, M20, M21, M4, M5, M22,

M23 M24, B3, B6, M16 thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp (theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 04/12/2020). Những người kế thừa của ông Ng thống nhất giao cho cá nhân bà Nguyễn Thị Ng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có yêu cầu di dời đối với căn nhà của chị Hồ Thị Diễm Tr, anh Mai Anh T và Mai Thanh T. Việc phân chia di sản của ông Ng những người thừa kế của ông Ng tự thỏa thuận, không yêu cầu trong vụ án này, trường hợp không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án chia di sản thừa kế khác.

Đối với yêu cầu của ông T về việc trả tiền bán trái xoài hằng năm là 3.000.000 đồng trong 11 năm là 33.000.000 đồng vì ông T cho rằng cây xoài là của ông Ng, những người kế thừa của ông Ng không đồng ý. Vì cây xoài này là do ông Ng trồng, vị trí cây xoài nằm ở phía bờ kênh, hiện nay cây xoài cũng không còn, do cây xoài nằm ở cập bờ kênh nên không có chăm sóc, bón phân và không có người trông coi nên hằng năm cây xoài cho trái thì gia đình ông Ng chỉ thu hái được vài trái để ăn chứ không có bán để lấy tiền như ông T trình bày.

Đối với yêu cầu di dời cây trồng gồm 03 cây xoài đang cho trái, 01 cây hạnh, 01 cây xoài bị cắt ngọn trên diện tích 40,2m² nằm trong các mốc M26, M27, M28, M29 quay lại M26 thuộc đường giao thông do nguyên đơn yêu cầu những người kế thừa của ông Ng không đồng ý vì đây là đất nhà nước, đất bờ sông thì việc trồng cây là tự do, gia đình ông Ng thấy đất trống thì trồng, trường hợp nhà nước lấy lại đất để làm đường thì gia đình ông Ng sẽ tự nguyện di dời cây trồng trả đất cho nhà nước.

Đối với yêu cầu bồi thường giá trị 300 cây tre, mỗi cây có giá 20.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng của nguyên đơn, những người thừa kế của ông Ng không đồng ý. Vì tre được gia đình ông Ng trồng từ năm 1982, đến năm 1986 thì gia đình ông Ng đã phá bỏ để trồng xoài, nên không có việc đốn tre vào năm 2008-2010 như ông T trình bày.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Hồ Hữu Ng là chị Hồ Thị Diễm Tr và chị Hồ Như Th trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị Nh. Chị Diễm Tr và chị Th không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Văn Bé T.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị B là ông Hồ Minh Ch trình bày: Thống nhất với ý kiến của Đỗ Văn Bé T. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Hồ Văn Ng (mất năm 1989) và bà Nguyễn Thị Ch (mất năm 1992). Ông Ng và bà Ch là vợ chồng nhưng không có

con. Sau khi ông Ng, bà Ch chết thì giao lại cho ông Đỗ Văn Bé T quản lý phần đất. Vì vậy, ông thống nhất theo ý kiến của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông đại diện cho bà B thống nhất trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì giao cho nguyên đơn ông Đỗ Văn Bé T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, những người thừa kế của ông Ng, bà Ch sẽ tự thỏa thuận về việc chia di sản trường hợp không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Người đại diện theo pháp luật của Mai Thanh T là chị Hồ Thị Diễm Tr (mẹ ruột) trình bày tại phiên tòa: Thống nhất với toàn bộ ý kiến đại diện ủy quyền của những người kế thừa tố tụng của ông Hồ Hữu Ng, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác, không có yêu cầu thẩm định lại, định giá lại và không có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Ph, Trần Thị Diễm K, Trần Thị Ngọc D: Có văn bản trình bày ý kiến không có yêu cầu, tranh chấp gì, giao cho bà Nguyễn Thị Ng toàn quyền quyết định và xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST, ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C đã tuyên xử:

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Bé T đối với diện tích đất 311,4m² phần đất nằm trong các mốc M1, M2, M3, M4, M21, M20, M19, M18, M17 và về M1, thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Bé T đối với diện tích đất 40,2m² nằm trong các mốc M26, M27, M28, M29 và về M26, qua xác định đất thuộc đường giao thông, các đương sự không có quyền khởi kiện lại.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Bé T.

Những người kế thừa của ông Hồ Hữu Ng gồm Nguyễn Thị Ng, Hồ Hữu Tr, Hồ Diễm H, Hồ Thị Diễm Tr, Hồ Như Th, Hồ Thị Diễm Nh được quyền sử dụng diện tích đất 620,2m² nằm trong các mốc M16, M17, M18, M19, M20, M21, M4, M5, M22, M23 M24, B3, B6 về M16 thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại tại Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp.

Công nhận sự tự nguyện những người kế thừa của ông Hồ Hữu Ng giao cho bà Nguyễn Thị Ng được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký và đứng tên quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Những người kế thừa của ông Hồ Hữu Ng gồm Nguyễn Thị Ng, Hồ Hữu Tr, Hồ Diễm H, Hồ Thị Diễm Tr, Hồ Như Th, Hồ Thị Diễm Nh được tiếp tục sử dụng các cây trồng trên đất gồm 21 cây xoài nhỏ, 17 cây xoài đang cho trái, 04 cây mận lớn, 03 cây mận nhỏ, 06 cây mít nhỏ, 01 cây mai tứ quý, 44 cây mai vàng nhỏ, 11 cây chanh nhỏ chưa cho trái, 05 cây chanh đang cho trái, 04 cây sao, 04 cây tùng, 01 bụi tre.

(Kèm Biên bản xem xét thẩm định ngày 07/5/2019; Biên bản xem xét thẩm định ngày 21/02/2020; Biên bản xem xét thẩm định ngày 08/9/2020; biên bản xem xét thẩm định ngày 04/12/2020; Biên bản xem xét thẩm định ngày 21/10/2021; Sơ đồ đo đạc theo biên bản xem xét thẩm định ngày 04/12/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp; bản đồ trích đo theo biên bản xem xét thẩm định ngày 04/12/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp; Biên bản xem xét thẩm định ngày 21/10/2021).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/01/2022 ông Đỗ Văn Bé T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST, ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Ông Đỗ Văn Bé T yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông Hồ Hữu Ng trả lại diện tích đất 620,2m² thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đỗ Văn Bé T là nguyên đơn trình bày: Ông T yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm.

Bà Võ Thị Nhung là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Hồ Hữu Ng gồm bà Nguyễn Thị Ng, Hồ Hữu Tr, Hồ Thị Diễm Tr, Hồ Thị Diễm Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Ngọc Nh trình bày: Bà không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Hồ Hữu Ng là chị Hồ Thị Diễm Tr và chị Hồ Như Th trình bày: Không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoảng 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của ông Đỗ Văn Bé T đúng về hình thức, nội dung, nộp đúng hạn luật định nên kháng cáo của ông được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Về xét xử vắng mặt: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Hồ Hữu Ng là chị Hồ Diễm H, chị Hồ Như Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Anh T, chị Trần Thị Diễm K, chị Trần Thị Ngọc D, ông Trần Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Văn Bé T yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Hồ Hữu Ng trả lại diện tích đất 620,2m² thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cho ông được quyền sử dụng.

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp có diện tích 620,2m² thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Đỗ Văn Bé T trình bày nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Hồ Văn Ng (chết năm 1989) và bà Nguyễn Thị Ch (chết năm 1992). Bị đơn xác định nguồn gốc đất tranh chấp có diện tích 620,2m² là của ông Hồ Hữu L là ông

nội của ông Hồ Hữu Ng. Sau đó ông Hồ Hữu L cho lại ông Hồ Hữu Ng và bà Đỗ Thị S (cha, mẹ của ông Ng). Sau khi ông Ng, bà S chết thì để lại cho ông Hồ Hữu Ng. Di sản của ông Ng, bà Ch để lại chỉ có căn nhà gỗ có kích thước chiều ngang 8,2m và chiều dài là 11m trên nền nhà cũ của ông Hồ Văn Đ được ông L cho vào năm 1932. Trong quá trình ông T sử dụng từ năm 1996 cho đến nay có coi nói mở rộng căn nhà nên diện tích theo đo đạc thực tế hiện nay là 311,4m². Xét thấy, theo biên bản họp gia tộc ngày 12/7/1992 (không được phía bị đơn thừa nhận) thì di sản của ông Ng, bà Ch để lại gồm có căn nhà gỗ và 1.000m² đất thổ cư nhưng không thể hiện vị trí đất và không có đo đạc nên không biết diện tích thực tế là bao nhiêu. Ngoài ra cũng không có tài liệu, văn bản nào thể hiện nguồn gốc đất tranh chấp 620,2m² của ông Ng, bà Ch chết để lại cũng như của ông, bà ông T đứng tên, chết để lại. Vào năm 2004, anh Hồ Anh H là con của ông Hồ Ngọc Q có khởi kiện yêu cầu ông T, bà H (vợ ông T) trả lại di sản của ông Ng, bà Ch đã giao cho ông Q quản lý. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/8/2004 của Tòa án nhân dân thị xã C, Đồng Tháp diện tích đất tranh chấp là thửa 206 thuộc phạm vi các mốc 1, 2, 3, 5, 6, 4 (bao gồm thửa 970 đã cấp quyền sử dụng cho bà Đỗ Thị A) và một bờ tre thuộc phạm vi các mốc 5, 6, 7, 8 nhưng không thể hiện diện tích là bao nhiêu. Khi đo đạc có ông Hồ Hữu Ng chứng kiến và xác định ranh, ông Ng xác định căn nhà gỗ gắn liền với đất là di sản của Ng, bà Ch đồng ý giao cho ông T quản lý làm di sản thờ cúng ông Ng, bà Ch, đối với đất nằm ngoài căn nhà gỗ thì ông Ng sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Như vậy vào năm 2004 khi tranh chấp xảy ra giữa anh Hồ Anh H và ông T, ông Ng không thừa nhận diện tích nằm ngoài căn nhà gỗ là di sản của ông Ng, bà Ch. Theo xác nhận ngày 17/11/2004 của địa chính xã A ông Trần Văn Đ xác định thửa 206 do ông Ng đứng tên trong sổ địa chính, ông Ng có đi đăng ký quyền sử dụng đất nhưng đăng ký lộn thửa nên cấp sai thửa. Ngoài ra theo biên bản hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 07/11/1998 và quyết định số 256/QĐ.UB ngày 21/9/1999 của Ủy ban nhân dân xã A công nhận hòa giải thành giữa ông Đỗ Văn Bé T, bà Đỗ Thị A với ông Hồ Hữu Ng. Theo biên bản này ông T, bà A thống nhất và đồng ý với cách giải quyết của ông Ng, ông Ng giao cho bà A một nền nhà thêm chiều ngang 02m, chiều dài từ nhà xuống rạch Thông Lưu nên ngày 09/9/1999 hộ bà Đỗ Thị A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 970, diện tích 194m². Đối với căn nhà của ông Ng, bà Ch có chiều ngang 8,6m, chiều dài 15m, ông Ng giao cho ông T sử dụng để thờ cúng ông Ng, bà Ch. Như vậy, việc tranh chấp đã xảy ra từ năm 1998 và

ông T, bà A đã xác định phần đất tranh chấp là của ông Hồ Hữu L cho ông Hồ Văn Đăng ở nhờ nên mới đồng ý cách giải quyết của ông Ng theo biên bản hòa giải ngày 07/11/1998. Mặt khác trong suốt quá trình ông T quản lý di sản của ông Ng, bà Ch các hàng thừa kế của ông Ng, bà Ch có phát sinh tranh chấp như bà Hồ Thị M, anh Hồ Anh H (con của ông Q) nhưng không ai đề cập hay tranh chấp đối với phần đất xung quanh căn nhà. Tại công văn số 58/UBND ngày 02/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã A cung cấp thông tin theo kết quả xác minh những người sống lâu dài ở gần đất tranh chấp xác định đất tranh chấp do ông Hồ Hữu Ch (anh ruột của ông Hồ Hữu Ng) sử dụng và canh tác, sau đó ông Ch giao lại cho ông Ng sử dụng cho đến nay. Trên đất này có căn nhà của ông Ng, bà Ch cất ở trước năm 1975.

[2.2] Về quá trình sử dụng:

Ông T trình bày trên phần đất tranh chấp diện tích 620,2m² từ khi ông Ng sử dụng có trồng xoài và một hàng mận A từ mốc M16 đến M24. Phía sau nhà ông Ng có trồng bờ tre thuộc phạm vi các mốc M23, M22, M5, M4 và ngay trụ đá giữa vị trí mốc M24, M4 là một bụi tre lớn. Đến năm 2008, ông Ng chặt đốn các cây do ông Ng trồng và che một quán nhỏ bằng tre lá để bán nước. Do đó từ năm 2009 cho đến nay gia đình ông T không có sử dụng đất tranh chấp.

Bị đơn xác định đất tranh chấp từ trước đến nay đều do gia đình ông Ng quản lý, trồng cây. Ông T không có sử dụng đất tranh chấp.

Để chứng minh cho lời trình bày ông T có cung cấp cho Tòa án xác nhận của ông Ngô Văn N ngày 18/4/2022, bà Bùi Thị Tuyết L ngày 20/4/2022, ông Phan Văn A ngày 19/4/2022 và ông Hồ Minh Ch ngày 20/4/2022. Xét thấy, các người làm chứng do nguyên đơn cung cấp không xác định ông T có sử dụng đất tranh chấp từ trước đến nay cũng như do ông Ng, bà Ch đứng tên hợp pháp và ngoài ra ông T cũng không có chứng cứ gì khác chứng minh và bị đơn không thừa nhận bờ tre do ông Ng trồng. Mặt khác như lời trình bày của ông T vào năm 2008 ông Ng chặt đốn các cây do ông Ng trồng nhưng ông T hay hộ ông T không ai có ý kiến ngăn cản hay báo chính quyền địa phương. Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2014, Biên bản làm việc ngày 16/9/2014 của Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố C nguyên đơn ông T xác định từ trước đến nay không có đóng thuế đất mà ông đưa tiền cho ông Ng đóng thuế đất dùm, việc đưa tiền không có biên nhận và không được bị đơn thừa nhận. Phía bị đơn cung cấp được xác nhận của Chi cục thuế thành phố C và Danh sách biên lai thuế nhà

đất và biên lai thu thuế sử dụng đất thể hiện ông Ng có đóng thuế đất tranh chấp từ năm 1993 cho đến năm 2011.

Mặt khác, trên phần đất tranh chấp ông Ng đã cải tạo, san lấp, quản lý, sử dụng và trồng cây từ năm 1970 cho đến nay, có cất nhà cho con gái là chị Hồ Thị Diễm Tr phía nguyên đơn cũng như người thừa kế của ông Ng, bà Ch không có tranh chấp. Ngoài những người làm chứng nêu trên, nguyên đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh ông Ng, bà Ch có sử dụng và trồng cây trên đất tranh chấp. Theo biên bản hòa giải ngày 07/11/1998 của Ủy ban nhân dân xã A, ông T được tiếp tục sử dụng quản lý căn nhà của ông Ng, bà Ch có kích thước chiều ngang 8,6m, chiều dài 15m. Nhưng trong quá trình sử dụng phía nguyên đơn mở rộng nên diện tích nguyên đơn sử dụng hiện nay là 311,4m². Hiện nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Ng thống nhất không tranh chấp đối với diện tích 311,4m², đồng ý để cho nguyên đơn tiếp tục quản lý, sử dụng là có lợi cho đương sự.

[2.3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xác định đất tranh chấp có diện tích 620,2m² thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp của ông Hồ Hữu L để lại cho ông Hồ Hữu Ng là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh phần đất đang tranh chấp là của ông Ng, bà Ch để lại cho ông quản lý, sử dụng cũng như tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của ông là có căn cứ.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Đỗ Văn Bé T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng vì ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí theo quy định điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, Điều 271, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 24 Điều 3, khoản 1 Điều 100, Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai;
Điều 166, Điều 170 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn Bé T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Bé T đối với diện tích đất 311,4m² phần đất nằm trong các mốc M1, M2, M3, M4, M21, M20, M19, M18, M17 và về M1, thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Bé T đối với diện tích đất 40,2m² nằm trong các mốc M26, M27, M28, M29 và về M26, qua xác định đất thuộc đường giao thông, các đương sự không có quyền khởi kiện lại.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Bé T.

Những người kế thừa của ông Hồ Hữu Ng gồm Nguyễn Thị Ng, Hồ Hữu Tr, Hồ Diễm H, Hồ Thị Diễm Tr, Hồ Như Th, Hồ Thị Diễm Nh được quyền sử dụng diện tích đất 620,2m² nằm trong các mốc M16, M17, M18, M19, M20, M21, M4, M5, M22, M23 M24, B3, B6 về M16 thuộc một phần thửa 102, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại tại Tổ 24, ấp Đông Bình, xã A, thành phố C, Đồng Tháp.

Công nhận sự tự nguyện những người kế thừa của ông Hồ Hữu Ng giao cho bà Nguyễn Thị Ng được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký và đứng tên quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Những người kế thừa của ông Hồ Hữu Ng gồm Nguyễn Thị Ng, Hồ Hữu Tr, Hồ Diễm H, Hồ Thị Diễm Tr, Hồ Như Th, Hồ Thị Diễm Nh được tiếp tục sử dụng các cây trồng trên đất gồm 21 cây xoài nhỏ, 17 cây xoài đang cho trái, 04 cây mận lớn, 03 cây mận nhỏ, 06 cây mít nhỏ, 01 cây mai tứ quý, 44 cây mai vàng nhỏ, 11 cây chanh nhỏ chưa cho trái, 05 cây chanh đang cho trái, 04 cây sao, 04 cây tùng, 01 bụi tre.

(Kèm Biên bản xem xét thẩm định ngày 07/5/2019; Biên bản xem xét thẩm định ngày 21/02/2020; Biên bản xem xét thẩm định ngày 08/9/2020; biên bản xem xét thẩm định ngày 04/12/2020; Biên bản xem xét thẩm định ngày 21/10/2021; Sơ đồ đo đạc theo biên bản xem xét thẩm định ngày 04/12/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp; bản đồ trích đo theo biên bản xem xét thẩm định ngày 04/12/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp; Biên bản xem xét thẩm định ngày 21/10/2021).

3. Về chi phí tố tụng khác: Những người thừa kế tố tụng của bị đơn ông Hồ Hữu Ng tự nguyện chịu chi phí số tiền là 500.000 đồng, đã nộp tạm ứng và chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đỗ Văn Bé T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đỗ Văn Bé T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.071.000 (một triệu không trăm bảy mươi một nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000184 ngày 26/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Văn Bé T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTKV THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành